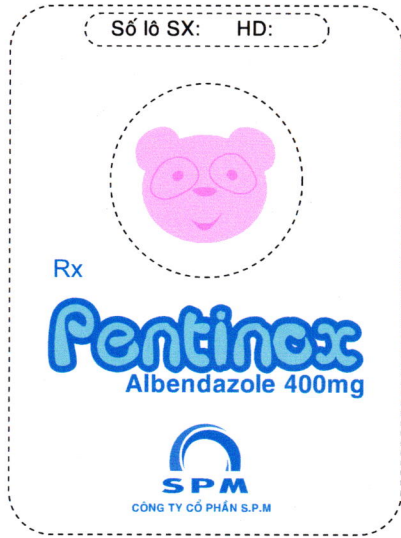


# MẪU NHÃN VÍ, HỘP ĐĂNG KÍ

- 1. MẪU NHÃN VÍ
- 2. MẪU NHÃN HỘP

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 / 12 / 2016  
 Tổng giám đốc



Mặt trước




Mặt sau



Đs. Nguyễn Thế Kỳ

RX THUỐC BÁN THEO ĐƠN

**Pentinox**<sup>®</sup>  
**Albendazol 400mg**  
 Thuốc trị giun



Hộp 1 viên nhai



Pentinox<sup>®</sup>

**CÔNG THỨC:** mỗi viên nén nhai chứa:  
 Albendazol ..... 400mg  
 Tá dược vừa đủ 1 viên nén nhai.

**CÁCH DÙNG:**  
 Viên có thể nhai, nuốt hoặc nghiền và trộn với thức ăn. Không cần phải nhịn đói và tẩy.

**CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, TÁC DỤNG PHỤ, THẬN TRỌNG, TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**  
 Xem tờ hướng dẫn kèm theo.

**BẢO QUẢN:**  
 Nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 300C.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 1 vỉ x 1 viên.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SPM**  
 www.spm.com.vn  
 Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo,  
 P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, Tp. HCM, Việt Nam.  
 ĐT: (08) 37507496 - Fax: (08) 38771010

Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn  
 ● GMP - WHO  
 ● ISO 9001: 2008  
 ● ISO 14001: 2004

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM,  
 ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG.  
 THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ.  
 MẸI CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Y KIỆN BÁC SĨ  
 KHÔNG DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG

Tiêu chuẩn: TCOS  
 SPD:

Số lô SX:  
 Ngày SX:  
 Hạn SD:

**BỘ Y TẾ  
 CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
 ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
 Ngày đầu: 22 / 6 / 17

n

Rx – Thuốc bán theo đơn

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ PENTINOX



### 1. TÊN THUỐC

PENTINOX.

### 2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Mỗi viên nén nhai chứa:

- Hoạt chất:

Albendazole ..... 400,00 mg.

- Tá dược: Vừa đủ 1 viên nén nhai (Đường xay, Manitol, Aspartam, Starch 1500, Erythrocin red dye, Mùi dâu Blueberry 586648AP 0551, Mangesi stearat).

### 3. DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén nhai.

Viên nén nhai màu hồng, hình thú , cạnh và thành viên lành lặn.

### 4. CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC HỌC

DƯỢC LỰC HỌC:

Mã ATC: P02CA03

Albendazole là dẫn chất của benzimidazol carbamat, về cấu trúc có liên quan đến mebendazol. Thuốc có phổ hoạt tính rộng trên các giun đường ruột như giun móc (*Ansylostoma duodenale*), giun đũa (*Ascaris lumbricoides*), giun kim (*Enterobius vermicularis*), giun lợn (*Strongyloides stercoralis*), giun tóc (*Trichuris trichiura*), giun *Capillaria* (*Capillaria philippinensis*); giun xoắn (*Trichinella spiralis*) và thể ấu trùng di trú ở da và cơ, các loại sán dãi và ấu trùng sán ở mô (như *Echinococcus granulosus*, *E. multilocularis* và *E. neurocysticercosis*).

Albendazole có hoạt tính trên cả giai đoạn trưởng thành và giai đoạn ấu trùng của các giun đường ruột và diệt được trứng của giun đũa và giun tóc. Dạng chuyển hóa chủ yếu của albendazol là albendazol sulfoxid vẫn còn tác dụng và giữ vị trí quan trọng về tác dụng dược lý của thuốc.

Cơ chế tác dụng chính của albendazol cũng tương tự như các benzimidazol khác. Thuốc liên kết với các tiểu quản của ký sinh trùng, qua đó ức chế sự trùng hợp hóa các tiểu quản thành các vi tiểu quản của bào tương là những bào quan cần thiết cho hoạt động bình thường của tế bào ký sinh trùng.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

- *Hấp thu*: ở người, sau khi uống, albendazole được hấp thụ rất kém (5%). Hầu hết tác dụng chống giun sán xảy ra ở ruột. Để có tác dụng xảy ra ở mô, phải dùng liều cao và lâu dài.

*Do chuyển hóa bước một quá mạnh, nên không thấy albendazole hoặc chỉ thấy ở dạng vết trong vết thương.* Sau khi uống một liều duy nhất 400 mg albendazole, nồng độ đỉnh của chất chuyển hóa sulfoxid đạt được trong huyết tương khoảng 0,04 – 0,55 microgam/ml sau 1 giờ đến 4 giờ. Khi dùng thuốc với thức ăn nhiều dầu mỡ, nồng độ trong huyết tương tăng lên 2 – 4 lần. Có sự khác nhau lớn giữa các cá thể về nồng độ albendazole sulfoxid trong huyết tương. Đó có thể là do sự hấp thu thất thường và do sự khác nhau về tốc độ chuyển hóa thuốc.

- *Phân bố*: albendazole sulfoxid liên kết với protein trong huyết tương tới 70%. Khi dùng lâu dài trong điều trị bệnh nang sán, nồng độ albendazole sulfoxid trong dịch nang sán có

thể đạt mức khoảng 20% nồng độ trong huyết tương. Albendazole sulfoxid qua được hàng rào máu não – tùy bằng khoảng 1/3 nồng độ trong huyết tương.

– *Chuyển hóa*: albendazole bị oxy hóa nhanh và hoàn toàn, thành chất chuyển hóa vẫn còn có tác dụng là albendazole sulfoxid, sau đó lại bị chuyển hóa tiếp thành hợp chất không còn tác dụng là albendazole sulfon.

– *Thải trừ*: albendazol có nửa đời thải trừ khỏi huyết tương khoảng 9 giờ. Chất chuyển hóa sulfoxid được thải trừ qua thận cùng với chất chuyển hóa sulfon và các chất chuyển hóa khác. Một lượng không đáng kể chất chuyển hóa sulfoxid được thải trừ qua mật.

## 5. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 vỉ x vỉ 1 viên.

## 6. CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

### CHỈ ĐỊNH

Nhiễm một loại hoặc nhiều ký sinh trùng đường ruột như giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc, giun lươn, sán hạt dưa (*Hymenolepis nana*), sán lợn (*Toenia solium*), sán bò (*T.saginata*), sán lá gan loại *Opisthorchis viverrini* và *O. sinensis*.

Albendazol cũng có hiệu quả trên nhiễm ấu trùng di trú ở da, nhiễm ấu trùng sán lợn ở não (*Neurocysticercosis*).

Nhiễm nang sán.

### LIỀU DÙNG – CÁCH DÙNG:

#### LIỀU DÙNG

+ Giun đũa, giun kim, giun tóc, giun móc

Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: liều giống nhau: 400 mg uống 1 liều duy nhất trong 1 ngày. Có thể điều trị lại sau 3 tuần. Trẻ em 1- 2 tuổi: 200 mg 1 liều duy nhất uống trong 1 ngày. Có thể điều trị lại sau 3 tuần.

+ Ấu trùng di trú ở da:

Người lớn: uống 400 mg, ngày uống 1 lần, uống 3 ngày.

Trẻ em: uống 5 mg/kg/ngày, uống 3 ngày.

+ Bệnh nang sán :

Người lớn: uống 800 mg/ mỗi ngày, trong 28 ngày. Điều trị có thể lặp lại nếu cần. Có khi cho tới 2 hoặc 3 đợt điều trị. Nếu nang sán không mổ được, có thể cho tới 5 đợt.

Trẻ em cho tới 6 tuổi: liều lượng chưa được xác định.

Trẻ em từ 6 tuổi trở lên: uống 10 – 15 mg/kg/ ngày, trong 28 ngày. Điều trị có thể lặp lại nếu cần.

+ Ấu trùng sán lợn ở não:

Người lớn: 15 mg/kg/ngày trong 30 ngày. Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

Trẻ em: Xem liều người lớn.

+ Stronglyloides( giun lươn)

Người lớn: uống 400 mg/ngày/lần trong 3 ngày. Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

Trẻ em 1- 2 tuổi: uống 200 mg/ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp. Điều trị có thể lặp lại sau 3 tuần.

Trẻ em 2 tuổi trở lên: liều giống liều người lớn

**CÁCH DÙNG:** viên có thể nhai, nuốt hoặc nghiền và trộn với thức ăn. Không cần phải nhịn đói và tẩy.



### CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Có tiền sử quá mẫn cảm với các hợp chất loại benzimi-dazol
- Các thành phần nào đó của thuốc.
- Người bệnh có tiền sử nhiễm độc tủy xương.
- Người mang thai



### 7. THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Người bệnh có chức năng gan bất thường trước khi điều trị bằng albendazole cần phải cân nhắc cẩn thận vì thuốc bị chuyển hóa ở gan và đã nhìn thấy người bệnh bị nhiễm độc gan. Cũng cần cẩn trọng với các người bị bệnh về máu.

### SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

**Phụ nữ có thai:** Không nên dùng albendazole cho người mang thai trừ những trường hợp bắt buộc phải dùng mà không có cách nào khác. Người bệnh không được mang thai trong thời gian ít nhất 1 tháng sau khi dùng albendazole. Nếu người bệnh đang dùng thuốc mà lỡ mang thai thì phải ngừng thuốc ngay và phải hiểu rõ là thuốc có thể gây nguy hại rất nặng cho thai.

**Phụ nữ cho con bú:** Còn chưa biết thuốc tiết vào sữa ở mức nào. Do đó, cần phải hết sức thận trọng khi dùng albendazole cho phụ nữ cho con bú.

### ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Cần thận trọng khi vận hành máy móc tàu xe vì thuốc có thể gây nhức đầu, chóng mặt.

### 8. TƯƠNG TÁC THUỐC:

Dexamethason: nồng độ ổn định lúc thấp nhất trong huyết tương của albendazol sulfoxid cao hơn khoảng 50% khi dùng phối hợp thêm 8 mg dexamethason với mỗi liều albendazole (15 mg/kg/ngày).

Praziquantel: Praziquantel( 40 mg/kg) làm tăng nồng độ trung bình trong huyết tương và diện tích dưới đường cong của albendazole sulfoxid khoảng 50% so với dùng albendazole đơn độc (400 mg)

Cimetidin: nồng độ albendazole sulfoxid trong mật và trong dịch nang sán tăng lên khoảng 2 lần ở người bị bệnh nang sán khi dùng phối hợp với cimetidin (10 mg/kg/ngày) so với dùng albendazole đơn độc (20 mg/kg/ngày).

Theophylin: dược động học của theophylin (truyền trong 20 phút theophylin 5,8 mg/mg) không thay đổi sau khi uống 1 lần albendazole (400 mg)

### 9. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Còn thiếu các thử nghiệm lâm sàng có kiểm tra trên phạm vi rộng để đánh giá rõ hơn độ an toàn của thuốc.

Khi điều trị thời gian ngắn( không quá 3 ngày) có thể thấy vài trường hợp bị khó chịu ở đường tiêu hóa( đau vùng thượng vị, ỉa chảy) và nhức đầu.

Trong điều trị bệnh nang sán và bệnh ấu trùng sán lợn có tổn thương não (*Neurocysticercosis*) là những trường hợp phải dùng liều cao và dài ngày, tác dụng có hại thường gặp nhiều hơn và nặng hơn.

Thông thường các tác dụng không mong muốn không nặng và hồi phục được mà không cần điều trị. Chỉ phải ngừng điều trị khi bị giảm bạch cầu (0,7%) hoặc có sự bất thường về gan ( 3,8% trong bệnh nang sán)

Thường gặp, ADR > 1/100

Toàn thân: sốt

Thần kinh trung ương: nhức đầu, chóng mặt, biểu hiện ở não, tăng áp suất trong não.

✓

Gan: chức năng gan bình thường

Dạ dày – ruột: đau bụng buồn nôn, nôn

Da: rụng tóc ( phục hồi được).

Ít gặp,  $1/1000 < ADR < 1/100$

Toàn thân: phản ứng dị ứng.

Máu: giảm bạch cầu

Da: ban da, mào đay

Thận: suy thận cấp.

Hiếm gặp,  $ADR < 1/1000$

Máu: giảm bạch cầu hạt, giảm huyết cầu nói chung, mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu

#### 10. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Albendazole có thể gây giảm bạch cầu nói chung (dưới 1% người bệnh điều trị) và phục hồi lại được. Hiếm gặp các phản ứng nặng hơn, kể cả giảm bạch cầu hạt, mất bạch cầu hạt, hoặc giảm các loại huyết cầu. Phải xét nghiệm công thức máu khi bắt đầu chu kỳ điều trị 28 ngày và 2 tuần một lần trong khi điều trị. Vẫn tiếp tục điều trị được bằng albendazole nếu lượng bạch cầu giảm ít và không giảm nặng thêm.

Albendazole có thể làm tăng enzym gan từ nhẹ đến mức vừa phải ở 16% người bệnh, nhưng lại trở về bình thường khi ngừng điều trị. Thử nghiệm chức năng gan (các transaminase) phải được tiến hành trước khi bắt đầu mỗi chu kỳ điều trị và ít nhất 2 tuần một lần trong khi điều trị. Nếu enzym gan tăng nhiều, nên ngừng dùng albendazole. Sau đó lại có thể điều trị bằng albendazole khi enzym gan trở về mức trước điều trị, nhưng cần xét nghiệm nhiều lần hơn khi tái điều trị.

Người bệnh được điều trị ấu trùng sán lợn có tổn thương não, nên dùng thêm corticosteroid và thuốc chống co giật. Uống hoặc tiêm tĩnh mạch corticosteroid sẽ ngăn cản được những cơn tăng áp suất nội sọ trong tuần đầu tiên khi điều trị bệnh ấu trùng sán này.

Bệnh ấu trùng sán lợn có tổn thương não (*Neurocysticercosis*), có thể có ảnh hưởng đến võng mạc tuy rất hiếm. Vì vậy, trước khi điều trị, nên xét nghiệm những tổn thương võng mạc của người bệnh. Nếu thấy đã có tổn thương võng mạc rồi thì nên cân nhắc giữa lợi ích của việc điều trị so với tác hại làm hư hỏng võng mạc do albendazole gây ra.

#### 11. CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*

*Để xa tầm tay trẻ em.*

*Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

*Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.*

#### 12. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:** Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.



22

**13. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT**



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M (S.P.M CORPORATION)**

[www.spm.com.vn](http://www.spm.com.vn)

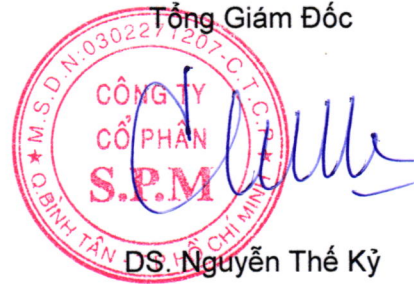
Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, Tp. HCM

ĐT: (08) 37507496 Fax: (08) 38771010

**14. NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT: 15/10/2016**

Tp. HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Tổng Giám Đốc



DS. Nguyễn Thế Kỳ

Rx – Thuốc bán theo đơn

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH



**1. Tên thuốc:** PENTINOX

**2. Các câu khuyến cáo**

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Để xa tầm tay trẻ em.
- Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

**3. Thành phần, hàm lượng của thuốc:** Mỗi viên nén bao phim chứa:

Hoạt chất : Albendazol .....400,00 mg.

Tá dược .....vừa đủ 1 viên nén nhai.

(Đường xay, Manitol, Aspartam, Starch 1500, Erythrocin red dye, Mùi dâu Blueberry 586648AP 0551, Mangesi stearat).

**4. Mô tả sản phẩm**

Viên nén nhai.

Viên nén nhai màu hồng, hình thú , cạnh và thành viên lành lặn.

**5. Quy cách đóng gói:** Hộp 1 vỉ x vỉ 1 viên.

**6. Thuốc dùng cho bệnh gì:**

**PENTINOX** được dùng để điều trị các nhiễm giun phổ biến ở ruột, như các bệnh sau gây bởi giun sán/protozoa ruột kích thích:

- Nhiễm giun kim
- Bệnh giun móc
- Nhiễm sán lợn/bò
- Nhiễm giun lợn
- Nhiễm giun đũa
- Nhiễm giun tóc
- Nhiễm sán lá gan
- Giun móc (nguồn gốc động vật) gây bệnh da (ấu trùng di trú dưới da)
- Nhiễm Giardia (ở trẻ em)

**7. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:**

Luôn luôn dùng thuốc chính xác như bác sĩ hay dược sĩ đã hướng dẫn để đạt kết quả tốt nhất và giảm nguy cơ của các tác dụng phụ. Hỏi lại bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn không chắc chắn.

Liều được khuyến cáo của **PENTINOX** như sau:

Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi : liều duy nhất 400mg.

Trẻ em 1-2 tuổi: liều duy nhất 200mg.

PENTINOX không dùng cho trẻ em dưới 1 tuổi.

Nếu bệnh nhân vẫn còn triệu chứng sau khi điều trị bằng liều duy nhất, họ phải được chuyên gia chăm sóc sức khỏe tư vấn để điều trị thêm.

Thời gian điều trị tối đa thay đổi theo tình trạng của bệnh nhân. Xem bảng bên dưới về thông tin liều tối đa cho mỗi bệnh. Không dùng quá liều tối đa hàng ngày và thời gian điều trị được khuyến cáo.

Một số người, đặc biệt là trẻ em, nên nhai viên thuốc với một ít nước; viên thuốc cũng có thể được nghiền ra uống với nước.



Chỉ định	Tuổi	Liều	Chu kỳ	Liều tối đa được khuyến cáo
Nhiễm giun kim *	Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi	400 mg (1 viên)	Liều duy nhất (được dùng lúc dạ dày rỗng)	Liều duy nhất 400 mg
Bệnh giun móc	Trẻ em 1-2 tuổi	200 mg (1/2 viên)	Liều duy nhất (được dùng lúc dạ dày rỗng)	Liều duy nhất 200 mg
Nhiễm giun đũa				
Nhiễm giun tóc				
Nhiễm giun lợn	Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi	400 mg (1 viên)	1 viên mỗi ngày trong 3 ngày (được dùng lúc dạ dày rỗng)	400 mg mỗi ngày (1200mg trong 3 ngày liên tiếp)
Nhiễm sán lợn/bò				
Nhiễm sán lá gan **	Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi	400 mg (1 viên)	2 viên mỗi ngày trong 3 ngày (dùng với thức ăn)	800 mg mỗi ngày (2400mg trong chu kỳ 3 ngày)
Ấu trùng di trú dưới da	Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi	400 mg (1 viên)	1 viên/ngày trong 1 -3 ngày (dùng với thức ăn)	400 mg mỗi ngày (đến 1200mg trong chu kỳ 3 ngày)
Nhiễm Giardia	Trẻ em 2-12 tuổi	400 mg (1 viên)	1 viên mỗi ngày trong 5 ngày (được dùng lúc dạ dày rỗng)	400 mg per day (2000mg trong chu kỳ 5 ngày)

\* Để đạt được điều trị đầy đủ trong trường hợp nhiễm giun kim, các biện pháp phải được thực hiện để duy trì vệ sinh nghiêm ngặt. Những người thân và các cá nhân ở cùng nhà cũng phải được điều trị.

\*\*Chuyên gia chăm sóc sức khỏe phải tư vấn sau 1 tháng điều trị để xác nhận diệt trừ hoàn toàn sán.

24



· Người cao tuổi

Các bệnh nhân cao tuổi bị suy gan (các vấn đề về gan) phải được tư vấn từ chuyên gia chăm sóc sức khỏe trước khi dùng thuốc này.

· Suy thận (các vấn đề về thận)

Nếu bệnh nhân được chẩn đoán bị suy thận (các vấn đề về thận), phải được tư vấn từ chuyên gia chăm sóc sức khỏe trước khi dùng thuốc này.

· Suy gan (các vấn đề về gan)

Nếu bệnh nhân được chẩn đoán bị suy gan (các vấn đề về gan), phải được tư vấn từ chuyên gia chăm sóc sức khỏe trước khi dùng thuốc này.



**8. Khi nào không nên dùng thuốc này:**

Nếu bệnh nhân có thai, nếu bệnh nhân nghĩ có thể có thai, hoặc nếu bệnh nhân có kế hoạch có thai.

Nếu bệnh nhân dị ứng (quá mẫn) với albendazol hoặc bất cứ thành phần nào của PENTINOX.

**9. Tác dụng không mong muốn:**

Giống như tất cả các thuốc, thuốc này có thể gây các tác dụng phụ, dù không phải tất cả đều bị.

Các tác dụng phụ không thường xuyên (ảnh hưởng đến 1/100 người) là đau đầu, hoa mắt, đau dạ dày, buồn nôn, nôn và tiêu chảy.

Các tác dụng phụ hiếm (ảnh hưởng đến 1/1000 người) là các phản ứng quá mẫn bao gồm phát ban, ngứa và mày đay, và những thay đổi trong xét nghiệm máu gan. Tham vấn chuyên gia chăm sóc sức khỏe nếu bệnh nhân bị vàng da hoặc mắt, nước tiểu sậm màu và/hoặc phân có màu nhạt.

Các tác dụng phụ rất hiếm (ảnh hưởng đến 1/10.000 người) phát ban da bóng nước nặng với sưng và bong (ban đỏ đa hình, hội chứng Stevens-Johnsons). Đi khám chuyên gia chăm sóc sức khỏe nếu bệnh nhân phát hiện bất kỳ triệu chứng nào như thế.

**10. Nên tránh dùng thuốc hoặc những thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:**

Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu đang, đã dùng gần đây hoặc có thể dùng bất kỳ thuốc nào khác.

**11. Cần làm gì khi một lần quên dùng thuốc:**

Nếu quên dùng một liều, dùng thuốc càng sớm khi nhớ ra. Tuy nhiên, nếu đã đến thời gian dùng liều kế tiếp, bỏ qua liều đã quên. Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.

**12. Cần bảo quản thuốc này như thế nào:**

Thuốc cần được bảo quản nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**13. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:**

Triệu chứng của quá liều PENTINOX chưa được biết.

**14. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:**

Nếu dùng nhiều PENTINOX hơn liều được bác sĩ kê đơn, thông báo cho bác sĩ hoặc đi đến bệnh viện ngay lập tức.

**15. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này:**

**Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng PENTINOX:**

Để tránh dùng PENTINOX trong giai đoạn đầu mang thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản nên bắt đầu điều trị trong tuần đầu hành kinh hoặc sau khi kiểm tra không có thai.

Nếu phát triển đau đầu nghiêm trọng, buồn nôn và nôn, các cơn choáng và/hoặc các vấn đề về thị giác sau khi dùng thuốc này, tham vấn chuyên gia chăm sóc sức khỏe ngay lập tức.

**PENTINOX** có thể gây các vấn đề về gan. Tham vấn chuyên gia chăm sóc sức khỏe nếu bệnh nhân bị vàng da hoặc mắt, nước tiểu sậm màu và/hoặc phân có màu nhạt. Các bệnh nhân được chẩn đoán suy gan hoặc thận (các vấn đề về gan hoặc thận) phải tìm tư vấn từ chuyên gia chăm sóc sức khỏe trước khi dùng thuốc này.

#### DÙNG CÁC THUỐC KHÁC VỚI PENTINOX

Các tác dụng của một số thuốc có thể bị ảnh hưởng nếu các thuốc khác được dùng cùng thời gian. Vì thế, bệnh nhân cần thông báo cho bác sĩ nếu sử dụng các thuốc khác thường xuyên, đã dùng các thuốc khác gần đây hoặc có ý dùng các thuốc khác cùng lúc với **PENTINOX**. Điều này bao gồm các thuốc không có trong đơn. Bác sĩ sẽ thông báo cho bệnh nhân nếu bất kỳ vấn đề gì xảy ra khi dùng **PENTINOX** với các thuốc khác.

#### MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

**PENTINOX** không được dùng trong quá trình mang thai hoặc ở phụ nữ nghĩ là có thai.

Các bệnh nhân đang cho con bú phải tìm tư vấn từ chuyên gia chăm sóc sức khỏe trước khi dùng thuốc này.

#### LÁI XE VÀ SỬ DỤNG MÁY MÓC

Cần thận trọng khi vận hành máy móc tàu xe vì thuốc có thể gây nhức đầu, chóng mặt.

#### 16. Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ:

Tìm lời khuyên từ bác sĩ hay dược sĩ trước khi dùng thuốc này.

#### 17. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

#### 18. Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất:



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M (S.P.M CORPORATION)**

[www.spm.com.vn](http://www.spm.com.vn)

Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, Tp. HCM

ĐT: (08) 37507496 Fax: (08) 38771010

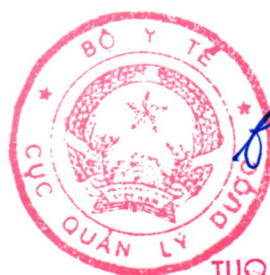
#### 19. Ngày xem xét, sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 15/10/2016

Tp. HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Tổng Giám Đốc



DS. Nguyễn Thế Kỳ



TU. CỤC TRƯỞNG  
P. TRƯỞNG PHÒNG

Lữ Minh Hùng